

Công tác giáo dục ngôn ngữ dân tộc thiểu số trong trường phổ thông ở Việt Nam hiện nay (nghiên cứu trường hợp tỉnh Thừa Thiên Huế)

(tiếp theo và hết)

2.4. Về cách thức dạy học ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở tỉnh Thừa Thiên Huế

2.4.1. Về ngôn ngữ được sử dụng làm phương tiện dạy học

Với câu hỏi: *Khi dạy tiếng DTTS trên lớp, thầy giáo/ cô giáo của em sử dụng thứ tiếng nào? và Khi học tiếng DTTS trên lớp, em dùng thứ tiếng nào để trao đổi với thầy/ cô và bạn học?* Câu trả lời của HS học tiếng DTTS qua phiếu điều tra như sau.

Bảng 6: Ngôn ngữ sử dụng trong dạy học tiếng DTTS ở tỉnh Thừa Thiên Huế

Ngôn ngữ GV sử dụng để giảng dạy tiếng DTTS			
Không có ý kiến	Chỉ dùng tiếng DTTS	Chỉ dùng TV	Dùng cả tiếng DTTS và TV
3	24	0	92
2,52%	20,17%	0,00%	77,31%
Ngôn ngữ HS sử dụng trong giờ học tiếng DTTS			
Không có ý kiến	Chỉ dùng tiếng DTTS	Chỉ dùng TV	Dùng cả tiếng DTTS và TV
5	30	0	84
4,20%	25,21%	0,00%	70,59%

Nguồn: Số liệu điều tra của đề tài trong đợt điền dã tại Thừa Thiên Huế, tháng 3-4/2019.

Theo kết quả điều tra, không có GV và HS nào chỉ dùng TV, có khoảng hơn 20% GV và HS chỉ dùng tiếng DTTS, còn lại phần lớn GV và HS (khoảng trên 70%) sử dụng cả tiếng DTTS và TV để làm phương tiện trao đổi kiến thức và tổ chức giờ học. Như vậy, mặc dù là giờ dạy học tiếng DTTS và ngôn ngữ DTTS được dạy học cũng chính là TMD của cả HS và GV, nhưng TV vẫn hiện hữu (bên cạnh tiếng DTTS) trong vai trò là ngôn ngữ phương tiện dạy học. Trao đổi trực tiếp với GV,

chúng tôi cũng nhận được ý kiến cho rằng, cần sử dụng linh hoạt cả TMD và TV để giảng dạy TMD cho HS DTTS. Thậm chí, theo quan sát trực tiếp, trong một số giờ học tiếng DTTS mà chúng tôi được dự trên lớp ở Trường TH Hồng Kim (huyện A Lưới) và ở Trường TH Thượng Lộ (huyện Nam Đông), có những GV đã sử dụng TV làm phương tiện chủ yếu để giảng dạy, cụ thể là đã sử dụng TV để vào bài, dẫn dắt kiến thức bài học, giải thích nghĩa từ trong tiếng DTTS, ra các lệnh để tổ chức, điều khiển

hoạt động của HS trong giờ học,... Chúng tôi thấy rằng, việc sử dụng TV (L2) để làm ngôn ngữ phương tiện chủ yếu trong giờ dạy học tiếng DTTS/TMD (L1) là không phù hợp. Điều này cũng đi ngược lại quy luật thụ đắc ngôn ngữ của trẻ.

2.4.2. Về phương pháp dạy học tiếng dân tộc thiểu số

Theo ý kiến của phần lớn GV, phương pháp thích hợp để dạy học tiếng DTTS là vừa dạy học lí thuyết, vừa tích cực rèn luyện kĩ năng thực hành. Quan sát trực tiếp một số giờ dạy học tiếng DTTS của GV và HS trên lớp, chúng tôi cũng nhận thấy rằng, người dạy đã dành phần lớn thời gian để rèn luyện cho HS kĩ năng thực hành TMD, nhất là kĩ năng đọc văn bản. Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận thấy một số kĩ năng khác, như: hiểu nghĩa từ ngữ trong nội dung văn bản đọc; viết (ghi lại câu, từ, đoạn văn bản,...) theo trí nhớ... vẫn chưa được GV thực sự quan tâm, chú ý rèn luyện cho HS.

2.4.3. Về cách thức tổ chức các hoạt động học tập của học sinh

Qua quan sát dự giờ, chúng tôi nhận thấy, trong giờ dạy học tiếng DTTS/ TMD, GV chủ yếu sử dụng phương pháp dạy học truyền thống: GV dẫn dắt, yêu cầu HS thực hiện các thao tác ứng với từng phần của bài học và sau đó có nhận xét, đánh giá. Chẳng hạn, trong giờ học văn, GV chép lên bảng văn của bài học để HS cả lớp quan sát, sau đó GV đọc mẫu và yêu cầu HS đọc theo. GV giới thiệu cho HS một số từ ngữ có chứa vần được học: thường bằng cách chép lên bảng hoặc chiếu lên màn hình từ ngữ (kèm theo hình ảnh minh họa) có chứa vần

được học. GV đọc mẫu từ ngữ và yêu cầu HS đọc theo. Tiếp theo, GV giải thích nghĩa từ ngữ bằng hình ảnh minh họa hoặc bằng động tác mô phỏng, hay thông qua từ ngữ tương ứng trong TV và sau đó yêu cầu HS nhắc lại nghĩa từ. Trong tất cả các tiết dạy học tiếng DTTS trên lớp mà chúng tôi được dự, không có bất kì giờ dạy học nào sử dụng các phương pháp dạy học ngôn ngữ mang tính sáng tạo, chẳng hạn: tổ chức các trò chơi, tạo tình huống giao tiếp giả định, lồng ghép ngôn ngữ với các hoạt động sinh hoạt văn hóa dân gian,...

Sau mỗi giờ học trên lớp, HS thường phải làm bài tập ở nhà. Việc giao bài tập về nhà là rất cần thiết để HS ôn tập, củng cố, trau dồi kiến thức đã học, đồng thời vận dụng thực hành vào thực tế cuộc sống. Bài tập ngôn ngữ/ TMD được giao về nhà cho HS có nhiều hình thức, như: ôn lại kiến thức bài học cũ; làm bài tập trong SGK; sưu tầm, ghi chép lại những sản phẩm ngôn ngữ có liên quan đến kiến thức bài học ở trong đời sống hằng ngày của cộng đồng và trong kho tàng văn học dân gian; tự tạo sản phẩm ngôn ngữ dựa trên kiến thức của bài học cũ;... Quan sát trực tiếp trên lớp học và tìm hiểu thông qua phiếu điều tra, chúng tôi nhận thấy các GV cũng chưa thực sự quan tâm đến hoạt động này. Theo kết quả điều tra, chỉ có 12,5% GV dạy tiếng DTTS thường xuyên giao bài tập về nhà cho HS, còn lại 87,5% GV chỉ thỉnh thoảng hoặc thậm chí không bao giờ triển khai hoạt động này.

2.5. Về kết quả dạy học tiếng dân tộc thiểu số ở tỉnh Thừa Thiên Huế

Theo báo cáo tại Hội nghị sơ kết 01 năm thực hiện dạy học tiếng Cơ-tu cho học sinh

lớp 1 (triển khai từ năm học 2016-2017) được Sở GD&ĐT Thừa Thiên Huế tổ chức vào ngày 28/02/2018 tại Phòng GD&ĐT huyện A Lưới, kết quả sau 01 năm dạy học, có 59/63 HS đạt yêu cầu đề ra ở tất cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; có 4/63 em chưa đạt theo yêu cầu đề ra (Cao Hữu Khoa, 2018).

Trong buổi tọa đàm tại Trường TH Thượng Lộ (tháng 4/2019), cô giáo H.Th.B. - Phó Hiệu trưởng Trường TH Thượng Lộ, người dân tộc Cơ-tu, có trực tiếp tham gia giảng dạy tiếng Cơ-tu cho biết: Sau gần 3 năm học tiếng Cơ-tu, HS lớp 3 đã biết đọc và viết chữ Cơ-tu, song còn nhiều hạn chế, khó khăn. HS nào học giỏi thì có thể viết được đoạn văn gồm 5-7 câu đơn giản, như: giới thiệu về bản thân, về gia đình, nhà trường. Nói chung, tất cả HS nghe, nói tiếng Cơ-tu (TMĐ) tốt¹⁵. Cô L.Th.Th - GV dạy tiếng Pa-co ở Trường TH Hồng Kim chia sẻ: Sau gần 2 năm học tiếng Pa-co, HS lớp 2 đã đọc và viết được chữ cái tiếng Pa-co nhưng còn chậm, các em nghe và nói tốt TMĐ, song khi đọc và viết thì còn hay lẫn lộn giữa chữ viết TV (chữ quốc ngữ) với chữ viết tiếng Pa-co.

Quan sát trực tiếp một số giờ dạy học tiếng Pa-co và tiếng Cơ-tu ở trên lớp, chúng tôi nhận thấy, không khí giờ học tương đối sôi nổi, HS học tập chăm chú, tích cực phát biểu ý kiến khi GV yêu cầu, tuy nhiên nhiều HS cũng còn rụt rè, chưa thực sự chủ động. HS đọc bài tập đọc đang học trong SGK trôi chảy, nhưng khi được đề nghị đọc bài đã học trước đó thì nhiều em đọc ấp úng, hoặc khi đề nghị GV đọc cho HS viết

chính tả một số từ ngữ trong bài học mà HS không nhìn vào SGK thì phần lớn HS không thực hiện được.

Tìm hiểu kết quả học tập TMĐ qua phiếu điều tra, ý kiến đánh giá của GV và HS DTTS như sau:

a) Đánh giá của giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số

- Đánh giá về không khí giờ học: thông tin của GV cho biết, nhìn chung không khí các giờ dạy học tiếng DTTS/ TMĐ rất sôi nổi, hứng thú. Điều này đã khẳng định tinh thần, ý thức, thái độ yêu quý TMĐ và sự hứng thú khi được học TMĐ của HS DTTS.

- Về tỉ lệ HS đạt kết quả học tập tiếng DTTS từ trung bình trở lên trong kì I, năm học 2018-2019: có gần 20% số GV dạy tiếng DTTS cho biết: số HS trong lớp của họ có kết quả học tập môn tiếng DTTS trên trung bình chiếm trên 75%, chỉ có khoảng 25% HS có kết quả học tập ở mức dưới trung bình. Có 50% số GV cho biết: số HS trong lớp của họ có kết quả học tập môn tiếng DTTS trên trung bình chiếm khoảng 51-75%, tức là khoảng 2/3 số HS trong lớp. Có 25% số GV và đều là GV dạy tiếng Ta-ôi cho biết: số HS trong lớp của họ có kết quả học tập môn tiếng Ta-ôi trên trung bình chiếm khoảng 26-50%, tức là chỉ có non nửa số HS trong lớp, số HS còn lại là đạt kết quả học tập ở dưới mức trung bình. Điều đáng lưu tâm là HS học tiếng Cơ-tu đã bước sang năm học thứ 3, song tất cả số GV dạy tiếng Cơ-tu tham gia điền phiếu điều tra đều cho biết rằng, vẫn có khoảng 25% HS có kết quả học tập ở mức dưới trung bình.

- Đánh giá về khả năng sử dụng TMĐ của đa số HS

Bảng 7: Đánh giá của GV về khả năng sử dụng TMD của đa số HS

Khả năng nghe - hiểu TMD của đa số HS trong lớp				
Không có ý kiến	Yếu, kém	Bình thường	Khá	Tốt
0	1	2	5	8
0,00%	6,25%	12,50%	31,25%	50,00%
Khả năng nói tiếng TMD của đa số HS trong lớp				
Không có ý kiến	Yếu, kém	Bình thường	Khá	Tốt
0	1	1	6	8
0,00%	6,25%	6,25%	37,50%	50,00%
Khả năng đọc (văn bản) TMD của đa số HS trong lớp				
Không có ý kiến	Yếu, kém	Bình thường	Khá	Tốt
0	1	4	8	3
0,00%	6,25%	25,00%	50,00%	18,75%
Khả năng viết TMD của đa số HS trong lớp				
Không có ý kiến	Yếu, kém	Bình thường	Khá	Tốt
0	1	7	5	3
0,00%	6,25%	43,75%	31,25%	18,75%
Kĩ năng sử dụng TMD tốt nhất của đa số HS trong lớp				
Không có ý kiến	Phát âm	Chính tả	Dùng từ	Đặt câu
2	13	3	4	0
12,50%	81,25%	18,75%	25,00%	0,00%
Kĩ năng sử dụng TMD còn yếu của đa số HS trong lớp				
Không có ý kiến	Phát âm	Chính tả	Dùng từ	Đặt câu
0	4	4	6	8
0,00%	25,00%	25,00%	37,50%	50,00%
Kĩ năng thực hành TMD của HS cần ưu tiên rèn luyện				
Không có ý kiến	Nghe	Nói	Đọc	Viết
0	4	8	8	11
0,00%	25,00%	50,00%	50,00%	68,75%

Nguồn: Số liệu điều tra của đề tài trong đợt điền dã tại Thừa Thiên Huế, tháng 3-4/2019.

Theo đánh giá của phần lớn GV, trong các kĩ năng thực hành tiếng: nghe - hiểu, nói, đọc, viết thì hai kĩ năng đầu tiên là nghe - hiểu và nói TMD của HS DTTS ở mức tốt, còn kĩ năng đọc ở mức khá và kĩ năng viết ở mức trung bình; trong các kĩ năng sử dụng TMD xét trên các bình diện ngôn ngữ: phát âm, chính tả, dùng từ, đặt câu

thì kĩ năng tốt nhất ở đa số HS là cách phát âm đúng và kĩ năng còn yếu, hạn chế ở đa số HS là tạo câu. Theo đó, các GV cho rằng, cần ưu tiên rèn luyện các kĩ năng chủ yếu liên quan đến chữ viết TMD: trước hết là kĩ năng viết, sau đó là kĩ năng đọc (và nói).

b) Ý kiến tự đánh giá của học sinh

Bảng 8: Đánh giá của HS về khả năng tiếp thu kiến thức TMD của bản thân

Khả năng tiếp thu kiến thức môn học TMD của HS				
Không có ý kiến	Tốt	Trung bình	Hạn chế	Không tiếp thu được
6	55	54	4	0
5,04%	46,22%	45,38%	3,36%	0,00%

Nguồn: Số liệu điều tra của đề tài trong đợt điền dã tại Thừa Thiên Huế, tháng 3-4/2019.

Theo sự tự đánh giá của HS, phần lớn các em tự nhận thấy mình tiếp thu được kiến thức môn học TMD nhưng ở những mức độ khác nhau. Trong đó, số HS tự thấy mình tiếp thu tốt và số HS tự nhận thấy mình tiếp thu ở mức trung bình có tỉ lệ gần tương đương nhau, khoảng 45-46%.

Bảng 9: Kết quả học tập TMD của HS

Kết quả trung bình môn tiếng DTTS kì I, năm học 2018-2019					
Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Không nhớ	Không điền thông tin
26	46	24	1	12	10
21,85%	38,66%	20,17%	0,84%	10,08%	8,40%

Nguồn: Số liệu điều tra của đề tài trong đợt điền dã tại Thừa Thiên Huế, tháng 3-4/2019.

Theo thông tin của HS về kết quả học tập môn tiếng DTTS ở học kì I năm học 2018-2019 (tức là sau 2,5 năm học tiếng Cơ-tu và 1,5 năm học tiếng Pa-co và Ta-ôi), có khoảng 80% số HS cho biết bản thân đạt kết quả học tập môn tiếng DTTS từ trung bình trở lên. Trong đó, gần 39% đạt loại khá và gần 22% đạt loại giỏi. Kết quả đánh giá trên mặt hồ sơ học tập của HS về môn học tiếng DTTS như vậy nói chung là khả quan.

Bảng 10: Đánh giá của HS về khả năng sử dụng TMD của bản thân

Khả năng nghe - hiểu TMD				
Không có ý kiến	Yếu, kém	Trung bình	Khá	Tốt
4	0	30	45	40
3,36%	0,00%	25,21%	37,82%	33,61%
Khả năng nói TMD				
Không có ý kiến	Yếu, kém	Trung bình	Khá	Tốt
4	0	24	34	57
3,36%	0,00%	20,17%	28,57%	47,90%
Khả năng đọc - hiểu văn bản TMD				
Không có ý kiến	Yếu, kém	Trung bình	Khá	Tốt
6	0	31	43	39
5,04%	0,00%	26,05%	36,13%	32,77%
Khả năng viết TMD				
Không có ý kiến	Yếu, kém	Trung bình	Khá	Tốt
6	4	30	38	41
5,04%	3,36%	25,21%	31,93%	34,45%

Nguồn: Số liệu điều tra của đề tài trong đợt điền dã tại Thừa Thiên Huế, tháng 3-4/2019.

Theo sự tự đánh giá của HS, sau gần 3 năm học tiếng Cơ-tu và gần 2 năm học tiếng Pa-co và Ta-ôi, phần lớn các em đều tự nhận thấy mình có các kỹ năng nghe - hiểu, nói, đọc - hiểu, viết ở những mức độ khác nhau. Trong đó, đáng chú ý là có tới khoảng 70% số HS tự đánh giá mình có tất cả các kỹ năng ở mức độ khá và tốt. Chỉ có một số rất ít HS (hơn 3%) nhận thấy mình còn yếu về kỹ năng viết.

Tuy nhiên, khi vào dự giờ một số tiết dạy học tiếng Pa-co, Cơ-tu ở trên lớp, chúng tôi có đề nghị GV đọc cho HS viết lại một số đoạn trong bài tập đọc ở SGK, song nhìn chung các em đều không viết lại được nếu chỉ nghe đọc mà không được nhìn vào văn bản trong SGK. Do vậy, theo quan sát thực tế, chúng tôi nhận thấy rằng, kỹ năng viết chữ TMD của HS DTTS còn rất hạn chế.

3. Đánh giá chung và kiến nghị về công tác giáo dục ngôn ngữ dân tộc thiểu số trong trường phổ thông ở Việt Nam

3.1. Đánh giá chung về thực trạng giáo dục ngôn ngữ dân tộc thiểu số qua khảo sát ở tỉnh Thừa Thiên Huế

Từ kết quả khảo sát thực trạng hoạt động dạy học TMD cho HS DTTS (Cơ-tu, Pa-co, Ta-ôi) ở tỉnh Thừa Thiên Huế, có thể rút ra một số đánh giá chung về công tác GDNN DTTS ở Việt Nam như sau:

Với mục đích bảo tồn, phát huy tiếng nói, chữ viết của ngôn ngữ các DTTS, từ đó góp phần phát huy bản sắc văn hóa của các DTTS, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết các DT ở Việt Nam, ngành giáo dục Việt Nam đang nỗ lực xúc tiến chương

trình dạy học ngôn ngữ DTTS trong trường phổ thông ở những vùng tập trung đông người DTTS. Tuy nhiên, chương trình này mới ở giai đoạn thí điểm.

Qua trường hợp tỉnh Thừa Thiên Huế, có thể nhận thấy chương trình thí điểm dạy học tiếng DTTS trong trường phổ thông được đặt trọng tâm vào việc *dạy học chữ viết* của mỗi ngôn ngữ. Các bộ chữ viết của phần lớn ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam là các bộ chữ mới, được các nhà trí thức DTTS ở địa phương kết hợp với các chuyên gia ngôn ngữ học xây dựng và được chính quyền nhà nước ở địa phương phê duyệt. Các bộ chữ mới của các tiếng DTTS nói chung đều được xây dựng dựa trên hệ thống kí tự Latin. Chỉ có một vài tỉnh dạy thí điểm chữ viết cổ truyền của ngôn ngữ DTTS không phải chữ Latin (ví dụ: dạy chữ Thái cổ truyền ở các tỉnh Sơn La, Điện Biên; dạy chữ viết cổ truyền của tiếng Chăm ở An Giang; dạy chữ viết cổ truyền của tiếng Khơ-me ở vùng Tây Nam Bộ,...).

Chương trình thí điểm dạy học tiếng DTTS nếu được tổ chức quốc tế tài trợ (như, ở tỉnh Thừa Thiên Huế có dự án thí điểm phát triển ngôn ngữ viết Cơ-tu, Pa-co, Ta-ôi được tổ chức FARO AS (Na Uy) tài trợ thì ở giai đoạn đầu sẽ có nhiều thuận lợi, như: được đầu tư về cơ sở vật chất, xây dựng chương trình dạy học, SGK, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ GV,... Nếu các tỉnh không có sự tài trợ như vậy, phải tự vận động thì chương trình dạy học tiếng DTTS sẽ rất khó khăn.

Chương trình thí điểm dạy học tiếng DTTS/ TMD nếu được thực hiện cho đối tượng là HS cấp TH, giai đoạn đầu từ lớp 1 đến lớp 3, giai đoạn sau là lớp 4 và lớp 5, như ở tỉnh Thừa Thiên Huế, thì sẽ có sự bất cập. Ở cấp học TH, HS DTTS phải đồng thời

cùng học cả 3 ngôn ngữ/ 3 bộ chữ viết: TV - ngôn ngữ quốc gia, ngôn ngữ DTTS - TMD, tiếng Anh - ngôn ngữ quốc tế. Với mặt bằng chung về trình độ nhận thức và điều kiện đời sống kinh tế - xã hội của con em đồng bào vùng DTTS còn rất nhiều khó khăn, hạn chế thì việc phải học cùng lúc cả 3 ngôn ngữ như vậy sẽ là một gánh nặng quá lớn đối với HS TH, dẫn đến ảnh hưởng tới hiệu quả học tập, nhất là việc học tập TV, trong khi nhiệm vụ học tập TV cần đặt lên hàng đầu để giúp HS DTTS nhanh chóng nắm vững, sử dụng thành thạo TV, từ đó có được phương tiện ngôn ngữ giúp các em lĩnh hội kiến thức của các môn học khác trong nhà trường. Nếu các bộ chữ TV và tiếng DTTS cùng theo hệ kí tự Latin, tuy có thuận lợi nhưng cũng dễ gây cho HS TH những lăm lăm. Còn nếu các bộ chữ DTTS này không thuộc cùng hệ thống kí tự Latin (chẳng hạn chữ Thái cổ truyền, chữ Chăm, hay chữ Kơ-me,...) thì việc học các loại chữ này của HS TH lại càng khó khăn hơn.

Việc chương trình dạy học tiếng DTTS nếu chỉ được gói gọn và dừng lại ở cấp TH cũng gây lo ngại về hiện tượng tái mù chữ, vì trẻ nhỏ khó có thể lưu giữ được lâu dài trong trí nhớ những kiến thức về chữ viết TMD, và nhất khi ra khỏi lớp học, HS không có môi trường để thường xuyên được thực hành, sử dụng chữ viết TMD của mình.

Chương trình và các bộ SGK được sử dụng để dạy học tiếng DTTS nếu được xây dựng, biên soạn hoàn toàn dựa vào chương trình và SGK TV cấp TH, nghĩa là được thiết kế bằng cách dịch các bài học từ SGK TV sang tiếng DTTS (kiểu như các bộ SGK tiếng Cơ-tu, tiếng Pa-co và tiếng Ta-ôi được dùng để dạy cho HS TH ở tỉnh Thừa Thiên Huế) thì sẽ không hợp lí xét cả về phương

pháp giáo dục lẫn quy luật thụ đắc ngôn ngữ L1 và L2. Việc dạy học tiếng DTTS theo cách như thế sẽ dẫn đến thực trạng dạy học tiếng DTTS chỉ là dạy học những tri thức và các văn bản được dịch từ TV - với tư cách là ngôn ngữ L2 đối với HS DTTS. Điều đó là hoàn toàn không phù hợp với mục đích cũng như nội dung và phương pháp dạy học TMD với tư cách ngôn ngữ L1 cho HS DTTS.

Ngoài SGK là tài liệu chính, các tài liệu khác, như: sách GV, sách tham khảo, sách nâng cao, từ điển, tác phẩm văn học hay báo chí viết bằng chữ DTTS,... để phục vụ cho dạy học tiếng DTTS, qua khảo sát của chúng tôi, không chỉ ở tỉnh Thừa Thiên Huế mà còn ở nhiều tỉnh khác, như: Sơn La, Lào Cai, Đắk Lắk, An Giang,... cũng rất thiếu thốn, nếu có thì chủ yếu cũng chỉ được cất giữ trong thư viện của trường, ít khi được GV và HS sử dụng. Mặt khác, mặc dù là vùng DTTS, sử dụng phổ biến tiếng DTTS, song chữ viết của ngôn ngữ DTTS thường rất ít thấy xuất hiện trong đời sống xã hội của người dân trong vùng. Sự thiếu thốn về tài liệu dạy học và hạn chế về môi trường sử dụng chữ viết của ngôn ngữ DTTS cũng làm giảm hiệu quả học tập tiếng DTTS, nhất là việc thực hành, phát huy và bảo tồn chữ viết ngôn ngữ DTTS ở địa phương.

Mặc dù đội ngũ GV đã có nhiều nỗ lực trong giảng dạy, HS rất hào hứng và có ý thức trong học tập, song hiệu quả thực sự của việc học TMD, nhất là học chữ viết TMD của HS DTTS ở cấp TH chưa hoàn toàn đạt được mục tiêu đặt ra. Sau 2-3 năm học, HS TH chưa hoàn toàn đọc thông, viết thạo chữ viết TMD của mình.

Tuy nhiên, có thể khẳng định, kết quả lớn nhất đáng được ghi nhận của chương trình thí điểm dạy học ngôn ngữ DTTS

ở tỉnh Thừa Thiên - Huế cũng như ở một số tỉnh khác mà chúng tôi đã khảo sát: Sơn La, Lào Cai, Đắk Lắk, An Giang,... đó là: hoạt động GD TMD đã khơi dậy được ở HS và đồng bào DTTS tình cảm quý trọng và ý thức học tập, gìn giữ, phát huy tiếng nói, chữ viết của ngôn ngữ DT mình.

Những kết quả nghiên cứu được trình bày trên đây là cơ sở thực tế và lí luận để ngành GD Việt Nam rút kinh nghiệm cho việc triển khai công tác GDNN DTTS với quy mô rộng hơn và đạt được hiệu quả cao hơn trong tương lai.

3.2. Kiến nghị về công tác giáo dục ngôn ngữ dân tộc thiểu số trong trường phổ thông ở Việt Nam

3.2.1. Kiến nghị tổng quát

Đối với đồng bào ở các vùng DTTS của Việt Nam, TMD có giá trị thiêng liêng trong đời sống sinh hoạt, đời sống văn hóa, tinh thần của mỗi cộng đồng dân tộc. Do đó, việc giáo dục TMD cho con em đồng bào DTTS là một nhiệm vụ chính trị hết sức quan trọng đã được Đảng, Nhà nước, chính quyền và ngành GD ở các địa phương thực sự quan tâm, tuy nhiên cần phải được quan tâm hơn nữa, nhất là trong thời kì đất nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, các tiếng DTTS dễ có nguy cơ bị mai một.

Mục đích chung của công tác GDNN DTTS là để bảo tồn, duy trì, phát huy ngôn ngữ và văn hóa của các DTTS, đáp ứng nguyện vọng của đồng bào DTTS và đảm bảo sự bình đẳng giữa các dân tộc, từ đó phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam.

Việc bảo tồn, duy trì, phát huy ngôn ngữ và văn hóa của các DTTS là nhiệm vụ chính trị quan trọng của toàn Đảng, toàn bộ hệ thống chính trị và toàn dân chứ không chỉ là trách nhiệm của riêng ngành GD. Do vậy, công tác GDNN DTTS trước hết cần phải được gắn chặt với môi trường GD ở gia đình và cộng đồng, đồng thời cần phải được duy trì thường xuyên. Khi đưa ngôn ngữ DTTS vào trong chương trình GD phổ thông ở vùng DTTS, trở thành một môn học (tự chọn hoặc bắt buộc), ngành GD cần phải có sự xem xét, tính toán, chuẩn bị đầy đủ tất cả các điều kiện cần thiết cho môn học này, như: đội ngũ GV giảng dạy (về số lượng và chất lượng); đối tượng học tập (thuộc thành phần DT nào, độ tuổi/ lớp hay cấp học, tâm lí, thái độ, điều kiện học tập, sinh hoạt,...); chương trình, SGK và tài liệu dạy học;...

Để công tác GDNN DTTS đạt hiệu quả, chúng tôi kiến nghị một số nội dung cụ thể sau đây.

3.2.2. Kiến nghị cụ thể

1) Về việc lựa chọn ngôn ngữ DTTS để triển khai dạy học trong trường phổ thông

Việt Nam là quốc gia đa DT. Ở những vùng, địa phận tập trung đông người DTTS thường có nhiều DT cùng cộng cư và sinh sống đan xen, dẫn đến hiện tượng đa ngữ ở các vùng DTTS. Chính vì vậy, việc lựa chọn ngôn ngữ của DT nào để đưa vào chương trình dạy học trong trường phổ thông ở mỗi địa phương cũng cần phải được xem xét, cân nhắc cẩn thận. Khi chưa thể dạy học tất cả các ngôn ngữ DTTS trong vùng, chúng tôi thấy rằng, trước hết, cần ưu tiên hai hạng ngôn ngữ sau đây:

Thứ nhất là ngôn ngữ của DTTS có số dân đông, thường có sự phát triển hơn về kinh tế - xã hội và sống tập trung ở trong vùng. Ngôn ngữ của DT này có vị thế là ngôn ngữ phổ biến trong vùng, hay còn gọi là ngôn ngữ phổ thông vùng, được nhiều người sử dụng, ví dụ: tiếng Thái ở vùng Tây Bắc, tiếng Mông ở vùng Tây Bắc và Đông Bắc, tiếng Gia-rai và tiếng Ê-đê ở vùng Tây Nguyên, tiếng Chăm và tiếng Khơ-me ở vùng Nam Bộ, v.v... Với ngôn ngữ thuộc hạng thứ nhất này, nếu đã chuẩn bị được đầy đủ các điều kiện thì có thể triển khai dạy học đại trà cho HS DTTS trong vùng, hoặc triển khai dạy học cho HS trong trường phổ thông dân tộc nội trú để đào tạo lực lượng cán bộ nguồn sau này cho địa phương.

Thứ hai là ngôn ngữ DTTS có nguy cơ mai một. Đó thường là ngôn ngữ của DTTS có số dân rất ít và ít người sử dụng, chẳng hạn: ở vùng Trung Bộ có tiếng Ô-đu..., ở vùng Tây Nguyên có các ngôn ngữ Rơ-mã, Brâu... Với ngôn ngữ thuộc hạng có nguy cơ biến mất này, nếu đã chuẩn bị được đầy đủ các điều kiện thì có thể triển khai dạy học cho con em của dân tộc ít người đó trong các trường, lớp phổ thông dân tộc nội trú hoặc cho các lớp đào tạo đội ngũ chuyên gia.

2) Về thời điểm dạy học chữ viết ngôn ngữ DTTS trong trường phổ thông

Trẻ em ở vùng DTTS khi sinh hoạt trong gia đình và cộng đồng chủ yếu vẫn giao tiếp bằng tiếng DTTS/ TMD. Đây là môi trường thực tế sinh động nhất, hữu ích nhất để giáo dục TMD cho HS DTTS. Vì thế, việc dạy học TMD cho HS DTTS trong trường phổ thông sẽ đặt trọng tâm vào việc dạy học chữ viết của ngôn ngữ DTTS. Để giảm tải gánh nặng cho HS TH, tránh để trẻ nhỏ phải

đồng thời học cùng một lúc 3 thứ tiếng - 3 bộ chữ (TV, tiếng DTTS, tiếng Anh), thì không nên triển khai dạy học chữ viết ngôn ngữ DTTS ở cấp TH. Ở cấp TH, chỉ nên sử dụng tiếng DTTS (ngôn ngữ nói) làm phương tiện hỗ trợ dạy học. Theo chúng tôi, thời điểm thích hợp hơn cả để triển khai việc dạy học chữ viết ngôn ngữ DTTS là đầu cấp THCS, khi HS đã nắm vững TV và hệ thống chữ quốc ngữ.

3) Về xây dựng chương trình, SGK, tài liệu tham khảo (từ điển, sách, truyện,...) phục vụ cho việc dạy học ngôn ngữ DTTS trong trường phổ thông.

Khi xây dựng chương trình và SGK dạy học ngôn ngữ DTTS, cần lưu ý hai loại đối tượng người học sau đây:

Một là, chương trình và SGK dạy ngôn ngữ DTTS cho người học đã biết nói tiếng DTTS - tiếng DTTS là TMD và là ngôn ngữ thứ nhất của người học. Với trường hợp này, cần xây dựng trọng tâm của chương trình là dạy học chữ viết của ngôn ngữ DTTS được dạy học.

Hai là, chương trình và SGK dạy ngôn ngữ DTTS cho người học chưa biết nói tiếng DTTS - tiếng DTTS là ngôn ngữ thứ hai (người học thường là cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang,... công tác ở vùng DTTS; hoặc HS DTTS trong trường phổ thông dân tộc nội trú học tiếng DTTS phổ thông vùng mà không phải là TMD của mình). Với đối tượng người học này, chương trình dạy học cần được xây dựng để cung cấp cho người học đầy đủ cả 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.

Đặc biệt là cần tránh tuyệt đối cách xây dựng, triển khai chương trình và SGK dạy học ngôn ngữ DTTS hoàn toàn dựa theo chương trình và SGK dạy học TV, bởi vì việc dạy học TV và dạy học tiếng DTTS

có nội dung và hướng đến những mục đích khác nhau.

Có thể xây dựng bộ SGK dạy học ngôn ngữ DTTS với các phần chính sau đây:

- Phần 1: cung cấp những tri thức cơ sở, nền tảng ban đầu về ngôn ngữ DTTS, như: hệ thống chữ cái, quy tắc chính tả, cách đọc, ghép vần, các phương ngữ,...

- Phần 2: tri thức mở rộng, phát triển vốn từ, câu, cách diễn đạt, văn bản,... Ở phần này, cần xây dựng các bài học với những chủ điểm thích hợp, gắn liền với văn hóa tộc người.

- Phần 3: từ điển đối chiếu tiếng DTTS - TV và TV - tiếng DTTS.

Khi xây dựng chương trình cũng cần có sự phân phối kiến thức sao cho có sự phù hợp với từng giai đoạn học tập: giai đoạn học tiếng DTTS như một môn học độc lập (gắn với dạy học phần 1); giai đoạn học lồng ghép vào bộ môn ngữ văn, là một phần học trong chương trình ngữ văn địa phương được phân phối cho từng kì học, lớp học, cấp học,... để những kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa DTTS được tiếp nối, duy trì, phát triển, tránh tình trạng tái mù chữ.

Ngoài chương trình và SGK, cũng cần chú ý biên soạn thêm từ điển hay xuất bản sách, báo bằng ngôn ngữ DTTS, đồng thời tạo môi trường song ngữ TV - tiếng DTTS trong gia đình, nhà trường, xã hội.

Trong số kinh phí Nhà nước cấp hàng năm để mua sách báo cấp phát cho các tỉnh miền núi và vùng DTTS, cần dành một phần kinh phí mua các tài liệu liên quan đến việc học tập và sử dụng tiếng nói và chữ viết DTTS để cấp phát cho nhà trường các cấp.

4) Về xây dựng đội ngũ GV giảng dạy ngôn ngữ DTTS trong trường phổ thông

Để có thể triển khai dạy học đại trà ngôn ngữ DTTS với tư cách là TMD cho HS vùng DTTS trong trường phổ thông, trước mắt cần mở thêm các lớp tập huấn để GV nắm được phương pháp và quy trình dạy học ngôn ngữ DTTS. Bổ sung thêm biên chế GV cho môn học này. Về lâu dài, để đào tạo đội ngũ GV dạy ngôn ngữ DTTS, việc thành lập khoa ngôn ngữ và văn hóa DTTS ở các trường sư phạm là hết sức cần thiết. Hoặc đưa môn học ngôn ngữ và văn hóa DTTS vào các ngành học sư phạm ở các trường đại học, cao đẳng vùng DTTS.

5) Về cách thức dạy học ngôn ngữ DTTS trong trường phổ thông

Cần chú trọng vào việc rèn luyện kỹ năng thực hành nhiều hơn là dạy tri thức lí thuyết. Nên ưu tiên sử dụng các phương pháp dạy học mang tính thực hành, trực quan sinh động, đồng thời có sự chú ý hơn đến những kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nhất định tùy thuộc loại đối tượng người học như đã nêu trên. Đối với loại đối tượng người học thứ nhất đã biết nói tiếng DTTS với tư cách TMD, ngôn ngữ L1, chỉ chưa biết chữ viết, cần tập trung nhiều hơn cho các kỹ năng viết và đọc. Đối với loại đối tượng người học thứ hai chưa biết nói tiếng DTTS thì cần tập trung đồng đều cho cả bốn kỹ năng. Trong giờ dạy học tiếng TMD cho HS DTTS, cần sử dụng chính ngôn ngữ mẹ đẻ làm ngôn ngữ phương tiện dạy học.

Việc dạy học ngôn ngữ DTTS nên được đặt trong mối quan hệ gắn bó hữu cơ với những tri thức về văn hóa truyền thống, tập tục sinh hoạt của mỗi tộc người. Có như vậy mới thực sự làm sống dậy ngôn ngữ và văn hóa tộc người qua những bài dạy học tiếng DTTS.

Chú thích

¹⁵ Tọa đàm tại Trường TH Thượng Lộ, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế, tháng 4/2019.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2019), *Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở, thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1997), *Thông tư số 1-GD/ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 03/02/1997 “Hướng dẫn việc dạy học tiếng nói và chữ viết dân tộc thiểu số”*, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Thông tư liên tịch số 50/2011/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính phối hợp ban hành ngày 03/11/2011*, Hà Nội.
4. Hội đồng Chính phủ (1980), *Quyết định số 53/CP của Hội đồng Chính phủ ban hành ngày 22/02/1980 về “Chủ trương đối với chữ viết của các dân tộc thiểu số”*, Hà Nội.
5. Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
6. Luật Giáo dục năm 2019 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
7. Sidwell, Paul (2005), *The Katuic languages: classification, reconstruction and comparative lexicon*, LINCOM studies in Asian linguistics, 58, Muenchen: Lincom Europa, ISBN 3-89586-802-7.
8. Đoàn Cường, *Bộ chữ Pa cô - Tà ôi của thầy giáo làng*, <https://www.giaoduc.edu.vn/bo-chu-paco-ta-oi-cua-thay-giao-lang.htm>, truy cập ngày 8/10/2008.
9. Cao Hữu Khoa (2018), “Tin về Hội nghị sơ kết 01 năm dạy học tiếng Co-tu cho học sinh lớp 1”, truy cập ngày 06/3/2018.